

TỈNH ỦY ĐỒNG NAI

\*

Số 174 -KH/TU

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Biên Hòa, ngày 10 tháng 4 năm 2018

**KẾ HOẠCH**

**thực hiện Nghị quyết số 21-NQ/TW ngày 25/10/2017 Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương khóa XII về công tác dân số trong tình hình mới**

Thực hiện Nghị quyết số 21-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương (khóa XII) về công tác dân số trong tình hình mới; Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh xây dựng Kế hoạch thực hiện, cụ thể như sau:

**I. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC DÂN SỐ****1. Những kết quả đạt được**

Thực hiện Nghị quyết số 47- NQ/TW của Bộ Chính trị (khóa IX) về “ Tiếp tục đẩy mạnh chính sách dân số - kế hoạch hóa gia đình” và các chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, công tác dân số - kế hoạch hóa gia đình, thời gian qua trên địa bàn tỉnh đã đạt được nhiều kết quả quan trọng, góp phần to lớn vào công cuộc xây dựng và phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

Tốc độ gia tăng dân số được khống chế, tỷ lệ tăng dân số tự nhiên từ 2,15% vào năm 1993 giảm xuống còn dưới 1% vào năm 2017; tỷ lệ sinh con thứ 3 trở lên từ 29,08% vào năm 1993 giảm xuống còn 5,12% vào năm 2017; tỷ lệ các cặp vợ chồng áp dụng biện pháp tránh thai từ 62,47% năm 1993 tăng lên 77,49% năm 2017; đạt mức sinh thay thế sớm 12 năm so với mục tiêu Nghị quyết đề ra và tiếp tục duy trì cho đến nay; cơ cấu dân số chuyển dịch tích cực, dân số trong độ tuổi lao động tăng mạnh; tuổi thọ trung bình tăng đạt 74 tuổi năm 2017. Tình trạng suy dinh dưỡng, tử vong bà mẹ, trẻ em giảm mạnh. Chất lượng dân số được cải thiện về nhiều mặt. Dân số đã có sự phân bố hợp lý hơn, gắn với quá trình đô thị hoá, công nghiệp hoá và yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh.

Công tác tuyên truyền, giáo dục, nhận thức về DS-KHHGD của các cấp, các ngành và người dân có bước đột phá. Quy mô gia đình ít con, mỗi cặp vợ chồng có 2 con đã trở thành chuẩn mực trong xã hội. Dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản, kế hoạch hóa gia đình ngày càng được mở rộng, chất lượng ngày càng cao.

**2. Khó khăn, hạn chế**

Bên cạnh những kết quả đạt được, công tác DS-KHHGD trên địa bàn tỉnh cũng còn những khó khăn, hạn chế nhất định, cụ thể:

Mức sinh trong những năm gần đây có xu hướng giảm chậm và còn tiềm ẩn nguy cơ tăng dân số trở lại, tỷ lệ sinh con thứ 3 trở lên ở một số địa phương còn cao. Tình trạng mất cân bằng giới tính khi sinh năm 2007 ở mức báo động là 119 bé trai/100 bé gái sinh ra sống, từ năm 2011 đến nay đang ở mức (106-108) bé trai/100 bé gái, nhưng nguy cơ mất cân bằng giới tính khi sinh vẫn ở mức cao. Chưa có giải pháp đồng bộ phát huy lợi thế của thời kỳ dân số vàng và thích ứng với già hóa dân số. Chất lượng dân số được cải thiện nhưng chưa cao, tỷ lệ suy dinh dưỡng trẻ em còn cao, tuổi thọ bình quân tăng, nhưng số năm sống khỏe mạnh còn thấp. Mật độ dân số tại các khu đô thị, khu công nghiệp cao, biến động di dân lớn gây khó khăn cho việc quản lý dân cư. Việc tiếp cận các dịch vụ xã hội của công nhân lao động trong các khu công nghiệp còn nhiều hạn chế. Công tác truyền thông, giáo dục về dân số ở một số khu vực, nhóm đối tượng còn hạn chế, nội dung tuyên truyền ít đổi mới. Tổ chức bộ máy làm công tác DS-KHHGD tuy được kiện toàn, củng cố, nhưng chất lượng hoạt động ở một số nơi chưa cao; hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý nhà nước đối với công tác DS-KHHGD vẫn còn hạn chế. Bên cạnh đó chế độ chính sách cho mạng lưới dân số tại cơ sở còn thấp cũng gây nhiều khó khăn, bất cập.

### **3. Nguyên nhân**

- Một số cấp ủy, chính quyền chưa nhận thức đầy đủ về tính khó khăn, phức tạp, lâu dài, tầm quan trọng và ý nghĩa của công tác DS-KHHGD; sự phối hợp giữa các ngành, các cấp chưa thật sự đồng bộ.

- Công tác tuyên truyền, quán triệt Nghị quyết, các văn bản liên quan đến chính sách DS-KHHGD chưa thường xuyên; nhận thức của một bộ phận người dân về trách nhiệm đối với công tác DS-KHHGD còn hạn chế.

- Tư tưởng muốn sinh nhiều con, trọng nam hơn nữ vẫn còn trong một bộ phận người dân kể cả cán bộ, đảng viên.

- Quy mô dân số ngày càng lớn, tốc độ tăng cơ học nhanh, biến động di dân rất lớn gây khó khăn cho việc quản lý dân cư và việc chăm sóc sức khỏe sinh sản cho công nhân làm việc tại các khu công nghiệp bị hạn chế, ảnh hưởng tới chất lượng dân số.

- Nguồn lực đầu tư cho công tác DS-KHHGD còn hạn chế, nhất là các hoạt động nâng cao chất lượng dân số.

## **II. MỤC ĐÍCH, MỤC TIÊU**

### **1. Mục đích**

Nhằm tạo sự thống nhất của các cấp ủy và hệ thống chính trị trong việc quán triệt, triển khai các quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp đã nêu trong Nghị quyết số 21-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung

ương; nâng cao nhận thức của các cấp ủy, các sở ban ngành, đoàn thể chính trị xã hội, của cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân về công tác dân số trong tình hình mới trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

Cụ thể hóa các nội dung của Nghị quyết số 21-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương cho phù hợp với đặc điểm, tình hình thực tế địa phương. Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy đảng, chính quyền về công tác dân số trong tình hình mới tại tỉnh Đồng Nai, góp phần hoàn thành các chỉ tiêu được giao và phát triển văn hóa, kinh tế - xã hội của tỉnh Đồng Nai.

## 2. Yêu cầu

Các cấp ủy, chính quyền và cả hệ thống chính trị phải nhận thức đầy đủ, sâu sắc những quan điểm cơ bản của đảng về công tác dân số trong tình hình mới đã được thể hiện trong Nghị quyết số 21-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương, đó là:

- Dân số là yếu tố quan trọng hàng đầu của sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Công tác dân số là nhiệm vụ chiến lược, vừa cấp thiết vừa lâu dài; là sự nghiệp của toàn Đảng, toàn dân.

- Tiếp tục chuyển trọng tâm chính sách dân số từ kế hoạch hóa gia đình sang dân số và phát triển. Công tác dân số phải chú trọng toàn diện các mặt quy mô, cơ cấu, phân bố, đặc biệt là chất lượng dân số và đặt trong mối quan hệ hữu cơ với các yếu tố kinh tế, xã hội, quốc phòng, an ninh và bảo đảm phát triển nhanh, bền vững.

- Chính sách dân số phải bảo đảm cân bằng, hài hòa giữa quyền và nghĩa vụ của mọi người dân; giữa việc tuyên truyền, vận động, nâng cao nhận thức, thay đổi hành vi với thực thi nghiêm kỷ cương pháp luật; giữa việc mở rộng, ứng dụng các kỹ thuật mới với việc nâng cao chất lượng dịch vụ, đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của nhân dân.

- Đầu tư cho công tác dân số là đầu tư cho phát triển. Nhà nước ưu tiên bố trí ngân sách, đồng thời đẩy mạnh xã hội hóa; tranh thủ sự hỗ trợ của quốc tế để bảo đảm nguồn lực cho công tác dân số.

- Tổ chức bộ máy tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả, phù hợp với trọng tâm công tác dân số trong từng thời kỳ, bảo đảm sự lãnh đạo, chỉ đạo thống nhất của cấp ủy, chính quyền các cấp và sự quản lý chuyên môn, nghiệp vụ.

Trong quá trình thực hiện cần bám sát các quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp đã nêu trong Nghị quyết số 21-NQ/TW, đồng thời phát huy sự năng động, sáng tạo để triển khai các nhiệm vụ, giải pháp phù hợp với tình hình thực tiễn của mỗi địa phương, đơn vị.

## 3. Mục tiêu

✕

## **2.1. Mục tiêu chung**

Thực hiện hiệu quả các vấn đề về quy mô, cơ cấu, phân bố, chất lượng dân số và đặt trong mối quan hệ tác động qua lại với phát triển kinh tế - xã hội; duy trì vững chắc mức sinh thay thế; duy trì tỷ số giới tính khi sinh ở mức cân bằng tự nhiên; tận dụng hiệu quả lợi thế cơ cấu dân số vàng, thích ứng với già hóa dân số; phân bố dân số hợp lý; nâng cao chất lượng dân số, góp phần phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

## **2.2. Chỉ tiêu cụ thể đến năm 2030**

- Duy trì vững chắc mức sinh thay thế (bình quân mỗi phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ có 2,0 con), quy mô dân số khoảng 3,6 triệu người.

Giảm 50% chênh lệch mức sinh giữa nông thôn và thành thị; 100% phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ đều được tiếp cận thuận tiện với các biện pháp tránh thai hiện đại; giảm 2/3 số vị thành niên và thanh niên có thai ngoài ý muốn. Nâng cao chất lượng chăm sóc sức khỏe sinh sản của người chưa thành niên và thanh niên.

- Tỷ số giới tính khi sinh dưới 108 bé trai/100 bé gái sinh ra sống; tỷ lệ trẻ em dưới 15 tuổi đạt khoảng 22%; tỷ lệ người từ 65 tuổi trở lên đạt khoảng 11%; tỷ lệ phụ thuộc chung đạt khoảng 49%.

- Tỷ lệ nam, nữ thanh niên được tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn đạt 90%; 70% phụ nữ mang thai được tầm soát ít nhất 4 loại bệnh tật bẩm sinh phổ biến nhất; 90% trẻ sơ sinh được tầm soát ít nhất 5 bệnh bẩm sinh phổ biến nhất.

- Tuổi thọ bình quân đạt khoảng 75 tuổi, trong đó thời gian sống khỏe mạnh đạt tối thiểu là 68 năm; 100% người cao tuổi có thể bảo hiểm y tế, được quản lý sức khỏe, được khám, chữa bệnh, được chăm sóc tại gia đình, cộng đồng, cơ sở chăm sóc tập trung.

- Chiều cao ở 18 tuổi đối với nam đạt 168,5 cm; nữ đạt 157,5 cm.

- Bố trí, sắp xếp dân cư hợp lý, bảo đảm người di cư được tiếp cận đầy đủ và công bằng các dịch vụ xã hội cơ bản.

- 100% dân số được đăng ký, quản lý trong hệ thống cơ sở dữ liệu dân cư thống nhất trên quy mô toàn tỉnh.

## **III. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP**

### **1. Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy, chính quyền các cấp**

Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng về công tác dân số; thống nhất nhận thức trong cả hệ thống chính trị và các tầng lớp nhân dân, tạo sự đồng thuận cao trong toàn xã hội về tiếp tục chuyển trọng tâm chính sách từ tập trung vào kế hoạch hóa gia đình sang giải quyết toàn diện các vấn đề quy mô, cơ cấu, phân bố và chất lượng dân số trong mối quan hệ hữu cơ với phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh.

Đưa công tác dân số, đặc biệt là nâng cao chất lượng dân số thành một nội dung trọng tâm trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy, chính quyền các cấp. Tiếp tục lồng ghép thực hiện công tác dân số với các chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương, đơn vị; đưa nội dung, chỉ tiêu thực hiện tốt công tác dân số vào tiêu chí thi đua của cơ quan, đơn vị. Phát huy tối đa lợi thế dân số vàng, thích ứng với già hóa dân số.

Tăng cường phối hợp liên ngành, phát huy mạnh mẽ vai trò của Mặt trận tổ quốc, các ngành, các đoàn thể nhân dân và cộng đồng trong công tác dân số. Phân công trách nhiệm rõ ràng, cụ thể với từng ngành, từng cơ quan, đoàn thể trong việc thực hiện các mục tiêu, giải pháp; đặc biệt là trong việc thực hiện các phong trào thi đua, các cuộc vận động về công tác dân số, thực hiện nếp sống văn minh, xây dựng môi trường sống lành mạnh, nâng cao sức khỏe và đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân.

Đề cao tính tiên phong, gương mẫu của mỗi cán bộ, đảng viên trong việc thực hiện chủ trương, chính sách về công tác dân số, nhất là sinh đủ 2 con, chú trọng nuôi dạy con tốt, gia đình hạnh phúc, tạo sức lan tỏa trong xã hội.

*- Giao các cấp ủy trực thuộc tỉnh, các ban cán sự đảng, đảng đoàn, chính quyền, mặt trận tổ quốc và các đoàn thể chính trị xã hội từ tỉnh đến cơ sở triển khai thực hiện.*

## **2. Đổi mới nội dung tuyên truyền, vận động về công tác dân số**

Đổi mới, nâng cao hiệu quả công tác tuyên truyền, giáo dục về chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước. Nội dung truyền thông, giáo dục chuyển mạnh sang chính sách dân số và phát triển.

Tiếp tục thực hiện cuộc vận động mỗi cặp vợ chồng nên có 2 con, bảo đảm quyền và trách nhiệm trong việc sinh con và nuôi dạy con tốt. Tập trung vận động sinh ít con hơn ở địa phương có tỷ lệ sinh con thứ 3 còn cao; duy trì kết quả ở những nơi đã đạt mức sinh thay thế; sinh đủ 2 con ở những nơi có mức sinh thấp.

Nâng cao nhận thức, thực hành về bình đẳng giới; đẩy mạnh truyền thông giáo dục chuyển đổi hành vi nhằm giảm thiểu mất cân bằng giới tính khi sinh. Tạo chuyển biến rõ nét ở những địa phương có tỉ số giới tính khi sinh cao.

Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động, khơi dậy phong trào mọi người dân thường xuyên luyện tập thể dục, thể thao, có lối sống lành mạnh, chế độ dinh dưỡng hợp lý để nâng cao sức khỏe tâm vóc, thể lực của người dân. Nâng cao nhận thức, thực hiện nghiêm các quy định của pháp luật về cư trú, về cấm tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống.

Đổi mới toàn diện nội dung, chương trình, phương pháp giáo dục dân số, sức khỏe sinh sản trong và ngoài nhà trường. Hình thành kiến thức và kỹ năng về dân số, sức khỏe sinh sản đúng đắn, có hệ thống ở thế hệ trẻ.

*Giao Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy phối hợp với Ban Cán sự Đảng UBND tỉnh chỉ đạo chỉ đạo tổ chức thực hiện việc tuyên truyền, vận động về công tác dân số.*

### **3. Hoàn thiện cơ chế, chính sách, pháp luật về dân số**

Tiếp tục thực hiện chính sách, pháp luật về dân số gắn với xây dựng gia đình hạnh phúc. Rà soát, điều chỉnh hoặc bãi bỏ một số quy định về xử lý vi phạm trong công tác dân số; đồng thời đề cao tính gương mẫu của cán bộ, đảng viên trong việc thực hiện chính sách dân số, xây dựng gia đình văn hóa, hạnh phúc. Nâng cao hiệu lực pháp lý trong quản lý và tổ chức thực hiện, bảo đảm đầy đủ quyền và nghĩa vụ của người dân, triển khai toàn diện các nội dung của công tác dân số. Kiện toàn hệ thống thanh tra chuyên ngành dân số, tăng cường thanh tra, kiểm tra, xử lý nghiêm vi phạm. Ngăn ngừa có hiệu quả việc lựa chọn giới tính thai nhi. Đẩy mạnh công tác bình đẳng giới, vì sự tiến bộ của phụ nữ.

Ban hành kế hoạch, chương trình hành động thực hiện công tác dân số của tỉnh trong tình hình mới; phát huy tối đa lợi thế cơ cấu dân số vàng, thích ứng với già hóa dân số; hoàn thiện chính sách, pháp luật về bảo vệ, chăm sóc và phát huy vai trò người cao tuổi; khuyến khích người cao tuổi tham gia các hoạt động kinh tế - xã hội; xác định rõ trách nhiệm, nghĩa vụ, quyền lợi của người sử dụng lao động và người lao động cao tuổi, xây dựng môi trường thân thiện với người cao tuổi.

Rà soát, nâng cao chất lượng quy hoạch các đô thị, khu công nghiệp, chủ động chuẩn bị các điều kiện để dân cư được phân bố tương ứng, phù hợp với xu thế phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm an ninh, quốc phòng; có chính sách tạo điều kiện thuận lợi cho người di cư được tiếp cận đầy đủ và công bằng với các dịch vụ xã hội cơ bản. Tăng cường bảo vệ, chăm sóc sức khỏe nhân dân, giảm tỷ lệ bệnh tật, giảm tử vong, tăng tuổi thọ và số năm trung bình sống khỏe mạnh. Tổ chức thực hiện hiệu quả Chương trình mục tiêu Y tế - Dân số giai đoạn 2016-2020, chính sách dân số đã được ban hành trên địa bàn của tỉnh. Xây dựng và tổ chức thực hiện tốt các chính sách, chương trình, dự án, đề án, kế hoạch của Bộ Y tế và các bộ, ngành có liên quan đến công tác dân số.

Triển khai đồng bộ các giải pháp bảo vệ và chăm sóc sức khỏe bà mẹ, trẻ em, thanh thiếu niên và người cao tuổi; thúc đẩy phong trào thể dục, thể thao rèn luyện thân thể, giữ vệ sinh cá nhân và cải thiện môi trường; chủ động và tích cực phòng, chống các dịch bệnh xảy ra ở người, phòng chống các bệnh lây truyền qua đường tình dục và các bệnh xã hội khác; phát triển kinh tế - xã hội, thực hiện giảm nghèo bền vững, tăng mức thu nhập bình quân đầu người và phúc lợi xã hội.

*Giao Ban cán sự đảng UBND tỉnh chỉ đạo các cơ quan liên quan triển khai thực hiện.*

#### **4. Phát triển mạng lưới và nâng cao chất lượng dịch vụ về dân số**

Phát triển và nâng cao hiệu quả hoạt động của mạng lưới cung cấp dịch vụ dân số toàn diện về quy mô, cơ cấu, chất lượng và phân bố dân số.

Tiếp tục củng cố mạng lưới dịch vụ kế hoạch hóa gia đình. Phát triển mạng lưới cung cấp các dịch vụ tầm soát, chẩn đoán sớm bệnh tật trước sinh, sơ sinh, hỗ trợ sinh sản, tư vấn kiểm tra sức khỏe sinh sản trước hôn nhân. Tăng cường kết nối, hợp tác với các cơ sở cung cấp dịch vụ ngoài công lập. Đổi mới phương thức cung cấp, đưa dịch vụ tới tận người sử dụng; thúc đẩy cung cấp dịch vụ qua mạng.

Sắp xếp lại hệ thống các cơ sở bảo trợ xã hội công lập theo hướng đẩy mạnh xã hội hóa, tạo lập môi trường thân thiện, hòa nhập giữa các nhóm đối tượng và với xã hội.

Phát triển mạnh hệ thống chuyên ngành lão khoa trong các cơ sở y tế. Khuyến khích phát triển các cơ sở chăm sóc người cao tuổi; cơ sở cung cấp các loại hình dịch vụ đáp ứng nhu cầu sinh hoạt, văn hóa, giải trí của người cao tuổi.

Ưu tiên đầu tư nguồn lực nhà nước, đồng thời huy động nguồn lực xã hội phát triển các cơ sở cung cấp các dịch vụ xã hội cơ bản bảo đảm các nhóm dân số đặc thù như trẻ em, người khuyết tật, người bị di chứng chiến tranh, người cao tuổi, đồng bào dân tộc ít người, người di cư... đều thực sự bình đẳng về cơ hội tham gia, thụ hưởng thành quả phát triển.

Đẩy mạnh nghiên cứu về dân số và phát triển, nhất là các vấn đề mới, trọng tâm về cơ cấu, chất lượng, phân bố dân số và lồng ghép yếu tố dân số vào kế hoạch phát triển của từng ngành, từng lĩnh vực. Tăng cường hợp tác giữa các cơ sở nghiên cứu khoa học trong và ngoài nước, phát triển mạng lưới nghiên cứu về dân số và phát triển.

*Giao Ban Cán sự đảng UBND tỉnh chỉ đạo các cơ quan liên quan tham mưu trình UBND tỉnh chỉ đạo tổ chức thực hiện.*

#### **5. Bảo đảm nguồn lực cho công tác dân số**

Bảo đảm đủ nguồn lực đáp ứng yêu cầu triển khai toàn diện công tác dân số. Ưu tiên bố trí ngân sách nhà nước cho công tác dân số, công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe giáo dục, đào tạo, văn hóa, thể thao... nhằm nâng cao chất lượng dân số, đời sống mọi mặt của nhân dân, nhất là đối tượng chính sách, đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi...

Đẩy mạnh xã hội hóa, có chế độ hỗ trợ chính sách khuyến khích các tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân trong và ngoài nước đầu tư xây dựng các cơ sở sản xuất, phân phối, cung cấp các phương tiện, dịch vụ trong lĩnh vực dân số.

Phát triển thị trường, đa dạng hóa các gói bảo hiểm, bao gồm bảo hiểm nhà nước, bảo hiểm thương mại với nhiều mệnh giá tương ứng các gói dịch vụ khác nhau để các nhóm dân số đặc thù đều bình đẳng trong việc tham gia và thụ hưởng các dịch vụ phúc lợi, an sinh xã hội.

*Giao Ban Cán sự đảng UBND tỉnh chỉ đạo các cơ quan liên quan tham mưu trình UBND tỉnh chỉ đạo tổ chức thực hiện.*

## **6. Kiện toàn tổ chức bộ máy, nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ dân số**

Tiếp tục kiện toàn tổ chức bộ máy làm công tác dân số theo hướng tinh gọn, chuyên nghiệp, hiệu quả; bảo đảm sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy đảng, chính quyền địa phương, đồng thời thực hiện quản lý chuyên môn thống nhất. Có chính sách đãi ngộ thỏa đáng, nâng cao hiệu quả hoạt động của đội ngũ công tác viên ở thôn, bản, tổ dân phố...

Đẩy mạnh công tác đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao năng lực, thực hiện chuẩn hóa đội ngũ cán bộ dân số các cấp, các ngành đáp ứng yêu cầu chuyển hướng sang chính sách dân số và phát triển. Đưa nội dung dân số và phát triển vào chương trình đào tạo, tập huấn, nghiên cứu khoa học.

Xây dựng cơ chế phối hợp liên ngành nhằm tăng cường chỉ đạo, điều phối hoạt động của các ngành, cơ quan có chức năng quản lý các lĩnh vực liên quan tới dân số và phát triển.

Đẩy mạnh cải cách hành chính, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, cung cấp dịch vụ, tạo thuận lợi cho người dân. Đẩy nhanh triển khai thực hiện đăng ký dân số và cơ sở dữ liệu dân cư quốc gia thống nhất dùng chung đáp ứng yêu cầu quản lý xã hội. Cung cấp số liệu đầy đủ, tin cậy và dự báo dân số chính xác phục vụ việc lồng ghép các yếu tố dân số trong xây dựng và thực hiện các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội.

*Giao Ban Cán sự đảng UBND tỉnh chỉ đạo các cơ quan liên quan tham mưu trình UBND tỉnh chỉ đạo tổ chức thực hiện.*

## **7. Tăng cường hợp tác quốc tế**

Chủ động, tích cực hội nhập, tăng cường hợp tác quốc tế trong lĩnh vực dân số. Tranh thủ sự đồng thuận, hỗ trợ về tài chính, tri thức, kinh nghiệm và kỹ thuật của các nước, các tổ chức quốc tế.

*Giao Ban Cán sự đảng UBND tỉnh chỉ đạo các cơ quan liên quan tham mưu trình UBND tỉnh chỉ đạo tổ chức thực hiện.*



#### IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các cấp ủy trực thuộc tỉnh, các ban cán sự đảng, đảng đoàn, các đoàn thể chính trị - xã hội tỉnh triển khai học tập, quán triệt, tuyên truyền Kế hoạch của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh đến tất cả các chi, đảng bộ cơ sở, đoàn viên, hội viên và quần chúng nhân dân trong toàn tỉnh nhằm nâng cao nhận thức trong toàn bộ hệ thống chính trị, toàn dân, tạo sức mạnh tổng hợp thực hiện công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân trong tình hình mới.

2. Ban Cán sự đảng UBND tỉnh xây dựng Chương trình hoặc kế hoạch cụ thể hóa các nhiệm vụ để thực hiện Kế hoạch của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh. Phối hợp với Văn phòng Tỉnh ủy theo dõi kết quả triển khai thực hiện và định kỳ báo cáo sơ kết, tổng kết, tham mưu kịp thời cho Ban Thường vụ Tỉnh ủy để báo cáo Trung ương theo quy định.

Trên đây là Kế hoạch của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết số 21-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XII) về “công tác dân số trong tình hình mới”. Đề nghị các đồng chí Tỉnh ủy viên, các cấp ủy trực thuộc, các ban đảng Tỉnh ủy, các ban cán sự đảng, đảng đoàn, các cơ quan có liên quan triển khai và tổ chức thực hiện.

**Nơi nhận:**

- Các đ/c TUV;
- Các cấp ủy trực thuộc tỉnh;
- Các BCS đảng, đảng đoàn, Tỉnh đoàn;
- Các ban đảng Tỉnh ủy;
- Các sở, ban, ngành;
- CP.VPTU, C3, TH, KT;
- Lưu VPTU.

**Đồng kính gửi:**

- Ban Bí thư TW;
- Bộ Chính trị;
- Các ban đảng TW.

C3-M3/KH1174/160

**T/M TỈNH ỦY  
BÍ THƯ**



**\* Nguyễn Phú Cường**